

# **ĐÁNH GIÁ NGUỒN PHỤ PHẨM MÍA DỪNG CHO CHĂN NUÔI TRÂU BÒ Ở VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA ĐƯỜNG BẮC TRUNG BỘ**

## **A survey on sugarcane byproducts as feed for cattle in some sugarcane growing areas in the North of Central Vietnam**

*Đặng Vũ Bình<sup>1</sup>, Phạm Kim Đăng<sup>1</sup>*

### **SUMMARY**

In 2004 a total of 340 households in 10 sugarcane-growing communes of two districts (Tho Xuan in Thanh Hoa province and Quy Hop in Nghe An province) were surveyed. It was found that sugarcane was the main crop of the households with an average of 3500-3850 sq.m. of sugarcane each. Every year each household could have 5-7 tones of sugarcane tops as a byproduct. The byproduct was either used as feed for cattle or for other purposes such as cooking fuels, thatch, soil bedding or for sale. However, only 30-40% of sugarcane tops was used fresh for cattle feeding right after harvesting without treatment and/or preservation.

**Key words:** Sugarcane tops byproduct, cattle, feeding

### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Các vùng nguyên liệu mía đường có một nguồn phụ phẩm rất lớn là lá và ngọn mía. Mặc dù lá, ngọn mía có hàm lượng xơ khá cao (40-42% tính trong chất khô) nhưng lá mía chứa một lượng đáng kể protein và dẫn xuất không đạm, giàu hydratcacbon, thuận lợi cho quá trình lên men dạ cỏ (Preston và Leng, 1991). Sử dụng tốt nguồn phụ phẩm này làm thức ăn cho bò góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò, tăng thu nhập cho nông hộ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng thêm năng suất mía đường.

Vì vậy, đánh giá tiềm năng nguồn phụ phẩm mía tại Thọ Xuân (Thanh Hoá) và Quỳnh Hợp (Nghệ An) là cần thiết cho định hướng phát triển chăn nuôi bò tại khu vực này nói riêng cũng như các vùng nguyên liệu mía đường Bắc Trung bộ nói chung.

### **2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **2.1. Chọn điểm điều tra**

Chọn hai huyện có diện tích mía lớn nhất thuộc hai tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An làm đại diện vùng nguyên liệu mía đường Bắc Trung bộ.

Tại Thanh Hoá, chọn huyện Thọ Xuân, điều tra 4 xã (Xuân Châu, Quảng Phú, Xuân Thắng, Thọ Xương) và Nông trường Sao Vàng.

Tại Nghệ An, chọn huyện Quỳnh Hợp, điều tra 4 xã: Minh Hợp, Nghĩa Xuân, Đồng Hợp và Tam hợp<sup>1</sup>

#### **2.2. Phương pháp**

Thu thập các tài liệu liên quan tại các Phòng Nông nghiệp và Phòng Thống kê huyện, các Ban Nông nghiệp, Ban Thống kê xã.

Sử dụng bộ câu hỏi điều tra chuẩn bị trước để thu thập thông tin tại các nông hộ: phỏng vấn trực tiếp 30 hộ/xã đối với Thọ Xuân và 40 hộ/xã đối với Quỳnh Hợp. Người được phỏng vấn là chủ hộ hoặc người quản lý kinh tế gia đình, tham gia trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp.

Số liệu điều tra được và xử lý bằng Microsoft Excel 2000.

### **3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

#### **3.1. Tình hình trồng mía một số xã trên địa bàn huyện Thọ Xuân- Thanh Hoá và Quỳnh Hợp -**

---

<sup>1</sup> Khoa Chăn nuôi – Thú Y, ĐHNHI

## Nghệ An

Thọ Xuân và Quỳnh Hợp là những huyện có diện tích mía lớn nhất của Thanh Hoá và Nghệ An. Tổng diện tích mía vụ 2003-2004 của toàn tỉnh Thanh Hoá là 17023,6 ha, trong đó huyện Thọ Xuân có 3351,4 ha, chiếm 19,69% (Hiệp hội Mía đường, 5/2003). Tổng diện tích mía vụ 2003-2004 của Nghệ An là 29164,8 ha, trong đó huyện Quỳnh Hợp có 23569 ha, chiếm 80,81% (Trung tâm Khuyến nông tỉnh, 10/2003).

**Bảng 1. Tình hình trồng mía ở các xã điều tra thuộc huyện Thọ Xuân - Thanh Hoá và Quỳnh Hợp – Nghệ An**

Huyện Tỉnh	Xã	Số hộ phỏng vấn (hộ)	Số hộ trồng mía (hộ)	Diện tích mía so với các cây trồng khác (%)	Diện tích trung bình (sào/hộ)
Thọ Xuân Thanh Hoá	Xuân Châu	30	28	25,00	23,62 ± 19,52
	Quảng Phú	30	30	67,96	9,97 ± 6,48
	Xuân Thắng	30	30	57,50	11,45 ± 8,61
	Thọ Xương	30	25	50,00	4,76 ± 3,13
	NT Sao Vàng	30	26	88,34	14,35 ± 7,26
	Chung	150	139	57,76	12,92 ± 12,18
Quỳnh Hợp Nghệ An	Minh Hợp	40	38	82,31	29,39 ± 2,84
	Nghĩa Xuân	40	40	73,87	12,22 ± 2,09
	Đông Hợp	40	36	56,29	11,19 ± 2,85
	Tam Hợp	40	40	99,16	10,23 ± 1,23
	Chung	160	154	77,91	15,70 ± 1,08

Theo số liệu của Ban thống kê các xã diện tích đất trồng mía luôn chiếm một tỷ lệ tương đối lớn so với các loại cây trồng khác (Bảng 1). Như vậy, có thể xem mía là cây trồng chủ lực ở tất cả các xã trên địa bàn hai huyện điều tra.

Đối với huyện Thọ Xuân - Thanh Hoá: Do nằm ở phía đông bắc của huyện nên xã Xuân Châu có ít đất đồi, chủ yếu là đồng ruộng. Hơn nữa, vài năm gần đây, thực hiện chính sách đổi mới của ban lãnh đạo xã, một phần diện tích mía được thay thế trồng cỏ để chăn nuôi bò thịt và bò sữa nên so với các loại cây trồng khác diện tích mía là ít nhất, nhưng diện tích mía bình quân hộ điều tra lại cao nhất. Tuy tại Nông trường Sao Vàng hiện có trại bò sữa trên 1000 con, một phần đất trồng mía cũng đã chuyển sang trồng cỏ, nhưng địa hình ở đây chủ yếu là đồi núi thấp nên diện tích mía vẫn chiếm một tỷ lệ khá cao (88,34%) và vẫn là cây trồng không thể thay thế được.

Đối với huyện Quỳnh Hợp: Trong 160 hộ trên địa bàn 4 xã điều tra có tổng số 154 hộ trồng mía với tổng diện tích là 2417,83 sào. Bình quân 15,7 ± 1,08 sào/hộ và tỷ lệ diện tích mía so với các loại cây trồng khác là 77,91% cao hơn so với huyện Thọ Xuân tương ứng là 57,76% và 12,92 12,18 sào/hộ. Trong đó, xã Minh Hợp chủ yếu là đất đầu trâu của nông trường, địa hình đồi núi thấp, mía là cây trồng chủ lực, vì vậy diện tích mía bình quân là cao nhất (29 ± 2,84 sào/hộ).

### 3.2. Ước tính nguồn phụ phẩm và tình hình sử dụng phụ phẩm mía

#### *Ước tính nguồn phụ phẩm mía*

Khi thu hoạch để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường, phân lá, ngọn còn xanh chiếm từ 10-12% tổng sinh khối cây mía (Golh, 1993). Như vậy với 150 hộ điều tra tại các xã thuộc huyện Thọ Xuân – Thanh Hoá sau thu hoạch mía sẽ có khoảng 713,24 tấn lá, ngọn mía. Bình quân 5,13 tấn/hộ. Tại 160 hộ điều tra trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp – Nghệ An sẽ có khoảng 1160,56 tấn lá, ngọn mía. Bình quân 7,25 tấn/hộ (bảng 2).

Vụ thu hoạch mía bắt đầu từ tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau, đây là thời kỳ khô hanh, thiếu cỏ cho trâu bò. Vì vậy, lá và ngọn mía sẽ là một nguồn thức ăn cần được sử dụng một cách có hiệu quả nhằm giải quyết được vấn đề thiếu thức ăn thô xanh cho trâu bò trong mùa khô hanh, nâng cao hiệu quả chăn nuôi, giảm ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, nếu được chế biến tốt, lá và ngọn mía sẽ có giá trị dinh dưỡng cao hơn, trở thành nguồn thức ăn dự trữ, góp phần mở rộng quy mô đàn trâu bò và tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

**Bảng 2. Ước tính nguồn phụ phẩm lá, ngọn mía tại các xã điều tra thuộc huyện Thọ Xuân - Thanh Hoá và Quỳnh Hợp – Nghệ An**

Huyện Tỉnh	Xã	Số hộ ĐT	Diện tích mía (sào)	Năng suất (tấn/sào)	Sản lượng (tấn)	Ước tính lượng phụ phẩm (tấn)
Thọ Xuân Thanh Hoá	Xuân Châu	30	661,36	4,0	2645,44	264,54
	Quảng Phú	30	299,00	3,5	1046,50	125,58
	Xuân Thắng	30	343,50	3,0	1030,50	123,66
	Thọ Xương	30	118,90	3,0	356,70	42,80
	NT Sao Vàng	30	373,00	3,5	1305,50	156,66
	<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>1795,67</b>	<b>-</b>	<b>6384,64</b>	<b>713,24</b>
Quỳnh Hợp Nghệ An	Minh Hợp	40	1117,00	4,0	4468,00	536,16
	Nghĩa Xuân	40	488,83	4,0	1955,32	234,64
	Đông Hợp	40	403,00	4,0	1612,00	193,44
	Tam Hợp	40	409,00	4,0	1636,00	196,32
	<b>Tổng</b>	<b>160</b>	<b>2417,83</b>	<b>-</b>	<b>9671,32</b>	<b>1160,56</b>

*Tình hình sử dụng nguồn phụ phẩm ở các nông hộ chăn nuôi*

Tại các hộ điều tra, do việc thu hoạch mía được thực hiện theo kiểu cuốn chiếu từng hộ để bán cho nhà máy, vì vậy chỉ một phần lá, ngọn tươi được dùng làm thức ăn chăn nuôi, còn phần lớn vứt bỏ ngoài đồng chờ khô đem đốt.

Tại Thọ Xuân, Thanh Hoá có 143/150 hộ (95,33%) sử dụng lá tươi ngọn mía cho chăn nuôi nhưng đồng thời cũng có 139/150 hộ (chiếm 99,33%) đem bán, cho hoặc bỏ khô ngoài ruộng để đốt làm phân... Tại Quỳnh Hợp, Nghệ An 100% các hộ trồng mía sử dụng ngọn lá tươi cho chăn nuôi, đồng thời 100% các hộ cũng sử dụng lá mía khô làm chất đốt hoặc làm tranh lọc nhà ...

Tỷ lệ hộ sử dụng ngọn lá mía qua chế biến cho chăn nuôi ở Thọ Xuân còn rất thấp (5,59%), còn tại Quỳnh Hợp chưa có hộ nào chế biến ngọn lá mía cho trâu bò ăn. Cách đây vài năm, tại Thọ Xuân đã có dự án phát triển đàn bò thịt và bò sữa nên người chăn nuôi đã được chuyển giao kỹ thuật chế biến, ủ xanh phụ phẩm mía. Còn tại huyện Quỳnh Hợp, do chưa được chuyển giao kỹ thuật chế biến, ủ chua phụ phẩm nông nghiệp nên 100% hộ chăn nuôi đều cho trâu bò ăn ngọn lá mía tươi, không qua chế biến dự trữ.

Theo ước tính, chỉ có khoảng 30 - 40% lượng lá, ngọn mía tươi được dùng cho chăn nuôi trâu bò và chủ yếu vẫn là cho ăn trực tiếp, không qua chế biến, dự trữ. Đây là một sự lãng phí, đồng thời là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường cần được khắc phục.

**Bảng 3. Tình hình sử dụng nguồn phụ phẩm mía tại các xã điều tra thuộc huyện Thọ Xuân - Thanh Hoá và Quỳnh Hợp – Nghệ An**

Huyện Tỉnh	Xã	Số hộ PV (hộ)	Số hộ sử dụng cho chăn nuôi			Số hộ sử dụng vào	
			Lá khô	Lá tươi, ngọn		Lá khô	Lá tươi ngọn
				Dùng trực	Qua chế		
Thọ Xuân Thanh hoá	Xuân Châu	30	0	30	3	30	30
	Quảng Phú	30	0	30	2	30	30
	Xuân Thắng	30	0	29	0	29	29
	Thọ Xương	30	0	29	1	30	30
	NT Sao vàng	30	0	25	2	30	30
	<b>Tổng số</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>143</b>	<b>8</b>	<b>149</b>	<b>149</b>
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>-</b>	<b>0</b>	<b>95,33</b>	<b>5,59</b>	<b>99,33</b>	<b>99,33</b>
Quỳnh Hợp Nghệ An	Minh Hợp	40	0	40	0	40	38
	Nghĩa Xuân	40	0	40	0	40	40
	Đông Hợp	40	0	40	0	40	39
	Tam Hợp	40	0	40	0	40	40
	<b>Tổng số</b>	<b>160</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>157</b>
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>-</b>	<b>0</b>	<b>100,00</b>	<b>0</b>	<b>100,00</b>	<b>98,13</b>

*Ghi chú: \* cho, bán hoặc đốt trên ruộng, đun nấu, làm tranh lợp*

#### 4. KẾT LUẬN

- Mía là cây trồng chủ lực ở các xã điều tra nói riêng và 2 huyện Thọ Xuân và Quỳnh Hợp nói chung. Trung bình mỗi hộ trồng từ 13 đến 15 sào mía.

- Hàng năm, tại Thọ Xuân – Thanh Hoá và Quỳnh Hợp – Nghệ An trong thời gian thu hoạch mía, mỗi hộ trồng mía có trung bình từ 5 đến 7 tấn ngọn, lá mía được sử dụng cho chăn nuôi trâu bò hoặc vào các mục đích khác như như: cho, bán, bỏ khô ngoài ruộng để đốt làm phân hoặc làm chất đốt, lợp nhà.

- Tại các hộ trồng mía, mới chỉ khoảng 30 - 40% lượng lá, ngọn mía tươi được dùng cho chăn nuôi trâu bò và chủ yếu là cho ăn trực tiếp, không qua chế biến dự trữ.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bo Golh, 1993. Thức ăn gia súc nhiệt đới. NXB Nông nghiệp.
2. Preston và Leng, 1991. Các hệ thống chăn nuôi gia súc nhai lại dựa trên nguồn tài nguyên có sẵn của vùng Nhiệt đới và Á nhiệt đới. NXB Nông nghiệp.
3. Hiệp hội mía đường, 5/2003. Tạp chí Thông tin & Khuyến nông, số 77.
4. Trung tâm Khuyến Nông tỉnh, tháng 10 năm 2003. Báo cáo tình hình trồng mía trên địa bàn tỉnh Nghệ An.